

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2021/DS-ST**
Ngày 02 tháng 02 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh
2. Ông Trần Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” thụ lý số 353/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2020/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Lệ Q, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn:

- Bà Mai Thị D (Mai Thị Hồng D), sinh năm 1977

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 04/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị Lệ Q trình bày:

Vợ chồng bà Mai Thị D, ông Nguyễn Văn L là chủ hui, bà Q là hui viên tham gia dây hui mùa 3.000.000 đồng, mở ngày 27/11/2017 âm lịch, có 13 phần, bà Q tham gia 01 phần, đóng hui sống được 08 lần thì chủ hui không tiếp tục khai hui nữa, sau đó bà D có làm giấy tay xác nhận còn nợ bà Q 24.000.000 đồng và

hẹn thời gian trả dần, cụ thể là cứ 04 tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 24.000.000 đồng; nhưng bà D chỉ trả được 2.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà Mai Thị Lệ Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Mai Thị D, ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho bà số tiền hui còn nợ là 22.000.000 đồng.

Bị đơn bà Mai Thị D trình bày: Bà D thừa nhận bà có làm chủ hui của dây hui mùa 3.000.000 đồng, thừa nhận đến nay còn nợ bà Q là hui viên của dây hui này số tiền 22.000.000 đồng như phần trình bày của bà Q là đúng. Bà D cho biết lý do bà ngưng mở hui từ ngày 29/8/2020 là do những người lĩnh hui (hốt hui) không góp hui đầy đủ. Bà D xác nhận ông L là chồng của bà, xác nhận ông L có ký tên vào danh sách hui, nhưng bà cho rằng ông L không có cùng bà tổ chức dây hui.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông L không đến tham dự, cũng không có ý kiến trả lời hoặc cung cấp lời khai cho Tòa án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền 22.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị D là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng góp hui giữa các bên đương sự thấy rằng cả bà Q, bà D và ông L đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng góp hui giữa vợ chồng bà D, ông L với bà Q là hợp pháp.

[3] Đối với phía bị đơn, các bị đơn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được nội dung khởi kiện của nguyên đơn, bà D có đến Tòa án cung cấp lời khai thừa nhận toàn bộ số nợ theo khởi kiện của nguyên đơn nhưng yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; ông L được Tòa án triệu tập để cung cấp lời khai nhưng không đến, cũng không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, điều này cho thấy ông L đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, nên được coi là mặc nhiên thừa nhận; mặt khác, về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi thực hiện các giao dịch dân sự của hộ gia đình, thì vợ chồng phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và

nghĩa vụ, do đó, khi có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà D đối với bà Q thì cần buộc ông L (chồng của bà D) cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về lỗi: Bà D và ông L là người có lỗi, vì đã vi phạm nghĩa vụ do tổ chức các dây hui mà không duy trì được đến ngày hui mãn, số tiền góp hui của các hui viên chưa được tính toán để hoàn lại; chính việc vi phạm nghĩa vụ của bà D ông L đã trực tiếp gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà Q, nên việc bà Q khởi kiện là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng bà D, ông L còn nợ bà Q 22.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà D, ông L phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Q số tiền này theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ, và các Điều 29, 30 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hui, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị Lệ Q số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Mai Thị D và ông Nguyễn Văn L phải liên đới chịu 1.100.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu